

# THỰC TRẠNG SÂU RĂNG CỦA TRẺ MẦM NON XÃ VÂN XUÂN, HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

ThS. ĐÀO THỊ TRANG\* - PGS.TS. NGUYỄN HỮU NHÂN -  
VŨ VĂN TÂM\*\* - PGS.TS. HOÀNG QUÝ TỈNH\*\*\*

Ngày nhận bài: 11/04/2016; ngày sửa chữa: 12/04/2016; ngày duyệt đăng: 13/04/2016.

**Abstract:** The article shows results of a survey on dental caries of preschool children in Van Xuan commune, Vinh Tuong district, Vinh Phuc province. The article also mentions factors affecting tooth decay of preschoolers such as jobs and education level of parents, eating taste of children, teeth-brushing moment of children, teeth-brushing way of children, times of brushing teeth in a day, etc.

**Keywords:** Dental caries, preschool children, tooth decay.

## 1. Mở đầu

Sâu răng là một trong những căn bệnh nhiễm trùng mãn tính phổ biến nhất và rất khó kiểm soát ở trẻ em, đặc trưng bởi sự xuất hiện sớm, tiến triển nhanh chóng. Mặc dù sâu răng không đe dọa mạng sống, nhưng những ảnh hưởng của nó lên cá nhân và cộng đồng là rất nghiêm trọng [1], [2].

Nhiều nghiên cứu đã chứng minh, mặc dù là một bệnh do nhiễm khuẩn, nhưng vai trò của chế độ ăn, cách thức cho ăn là rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển bệnh [1]. Sâu răng là một bệnh có thể ngăn ngừa được bằng sự hiểu biết và chăm sóc đúng cách của bố mẹ hay người nuôi dưỡng. Để giảm tỉ lệ và mức độ trầm trọng của bệnh, vai trò rất quan trọng nằm ở công tác dự phòng, cần tuyên truyền, giáo dục nhằm thay đổi nhận thức và hành vi của những người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ.

Tình trạng sâu răng của trẻ trên thế giới tương đối cao: Theo nghiên cứu của Mahejabeen R. và cộng sự trên 1.500 trẻ 3-5 tuổi ở Hubli - Dharwad Ấn Độ (2006) thì tỉ lệ sâu răng ở trẻ 3 tuổi là 42,6%, trẻ 4 tuổi là 50,7%, trẻ 5 tuổi là 60,9% [3]. Ở Malaysia năm 1997, kết quả của điều tra sức khỏe răng miệng toàn quốc ở học sinh cho thấy ở trẻ 6 tuổi, số răng sâu trung bình trên một em là 4,1 nhưng có hơn 90% răng sâu không được điều trị, tỉ lệ răng sâu được trám chiếm khoảng 10%.

Tại Việt Nam, Hoàng Tử Hùng và cộng sự [4] nghiên cứu tình hình sâu răng ở trẻ em tại một số tỉnh miền Nam năm 1981, cho biết tỉ lệ sâu răng sữa là khá cao (70,5%) trong đó tỉnh Thuận Hải (cũ) tỉ lệ sâu răng sữa là 72,1%. Nghiên cứu của Trần Văn Trường và cộng sự năm 2001 cho thấy, tỉ lệ sâu răng ở trẻ từ 6-8 tuổi là 84,9%, trẻ từ

9-11 tuổi là 56,3% [5]. Năm 2010, theo kết quả điều tra của Trương Mạnh Dũng, Vũ Mạnh Tuấn thuộc Viện đào tạo Răng Hàm Mặt - Đại học Y Hà Nội tại 5 tỉnh thành trong cả nước cho thấy tỉ lệ sâu răng sữa của trẻ từ 4-8 tuổi là 81,6% [5].

Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm mục đích tìm hiểu thực trạng sâu răng và một số yếu tố liên quan đến tình trạng sâu răng của trẻ thuộc trường mầm non Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc vào tháng 11-12/2015.

## 2. Đối tượng, địa bàn và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên 345 trẻ mầm non ở xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, phân bố của trẻ trong nghiên cứu theo *bảng 1*.

*Bảng 1. Phân bố đối tượng điều tra theo tuổi và giới tính*

Tuổi	Giới tính			
	Nam		Nữ	
	n	%	n	%
3	11	3,2%	14	4,1%
4	56	16,2%	48	13,9%
5	55	15,9%	47	13,6%
6	56	16,2%	58	16,8%
Tổng	178	51,5%	167	48,5%

*Bảng 1* cho thấy, tỉ lệ chung của nam (51,5%) cao hơn nữ (48,5%) trong khu vực nghiên cứu. Nhóm 3 tuổi, 6 tuổi tỉ lệ nam thấp hơn nữ, nhóm 3 tuổi (nam: 3,2%, nữ: 4,1%), nhóm 6 tuổi (nam: 16,2%, nữ: 16,8%). Nhóm 4

\* Trường Cao đẳng Vinh Phúc

\*\* Đại học Quốc Gia Hà Nội

\*\*\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

tuổi, 5 tuổi tỉ lệ nam cao hơn nữ, nhóm 4 tuổi (nam: 16,2%, nữ: 13,9%), nhóm 5 tuổi (nam: 15,9%, nữ: 13,6%).

Tình trạng sâu răng của trẻ trong khu vực nghiên cứu được đánh giá theo tiêu chuẩn ICDAS [3], [7].

**Bảng 2. Tiêu chuẩn phát hiện sâu thân răng nguyên phát theo Hệ thống Quốc tế về Đánh giá và Phát hiện Sâu răng (ICDAS)**

Mã số	Mô tả
0	Lành mạnh
1	Đốm trắng đục (Sau khi thổi khô 5 giây)
2	Đổi màu trên men (răng ướt)
3	Vỡ men định khu (Không thấy ngà)
4	Bóng đen ánh lên từ ngà
5	Xoang sâu thấy ngà
6	Xoang sâu thấy ngà lan rộng (> ½ mặt răng)

### 3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

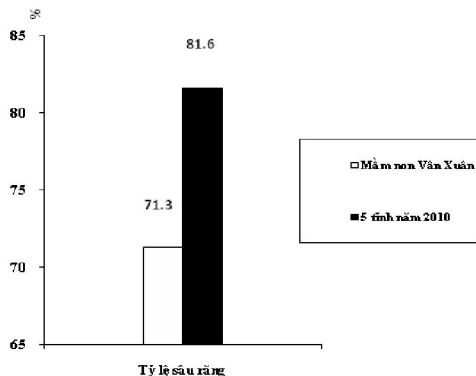
Tình trạng sâu răng của trẻ trong nghiên cứu ở các nhóm tuổi được thể hiện qua **bảng 3**.

**Bảng 3. Tình trạng sâu răng của trẻ theo các nhóm tuổi**

Tuổi	Tình trạng sâu răng			
	Sâu răng		Không sâu răng	
	n	%	n	%
3 tuổi	10	2,9%	15	4,3%
4 tuổi	74	21,4%	30	8,7%
5 tuổi	79	22,9%	23	6,7%
6 tuổi	83	24,1%	31	9,0%
<b>Tổng</b>	<b>246</b>	<b>71,3%</b>	<b>99</b>	<b>28,7%</b>

**Bảng 3** cho thấy, tỉ lệ sâu răng của trẻ trên địa bàn nghiên cứu là rất cao 71,3%. Tỉ lệ sâu răng tăng dần theo các nhóm tuổi (3 tuổi: 2,9%; 4 tuổi: 21,4%; 5 tuổi: 22,9%; 6 tuổi: 24,1%). Trong các nhóm tuổi này, chỉ có nhóm 3 tuổi có tỉ lệ sâu răng thấp hơn tỉ lệ không sâu răng (Sâu răng: 2,9%; Không sâu răng: 4,3%).

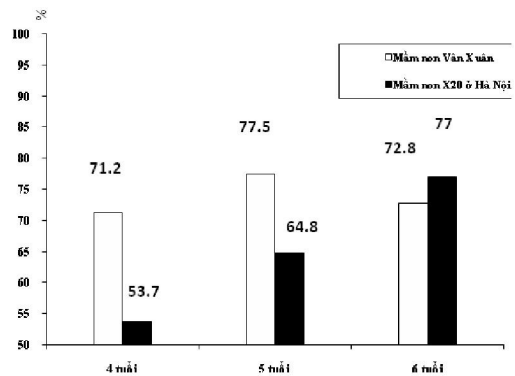
So với tỉ lệ sâu răng điều tra ở 5 tỉnh trên cả nước năm 2010 thì tỉ lệ sâu răng trung bình của trẻ trên địa bàn nghiên cứu thấp hơn [5].



**Hình 1. Tình trạng sâu răng của trẻ Trường Mầm non Vân Xuân và điều tra 5 tỉnh cả nước năm 2010**

**Hình 1** cho thấy tình trạng sâu răng của trẻ tại khu vực nghiên cứu đã giảm đi rất nhiều so với tình trạng sâu răng chung của 5 tỉnh trong cả nước năm 2010 (Mầm non Vân Xuân: 71,3%, 5 tỉnh trong cả nước năm 2010: 81,6%).

Khi so sánh tình trạng sâu răng trong nghiên cứu của chúng tôi với Trường Mầm non X20 ở Hà Nội, năm 2014, chúng tôi thu được kết quả thể hiện trong **hình 2** dưới đây:



**Hình 2. So sánh tình trạng sâu răng Trường Mầm non Vân Xuân và Trường Mầm non X20 ở Hà Nội**

**Hình 2** cho thấy, tỉ lệ sâu răng của trẻ trong từng nhóm 4 tuổi, 5 tuổi trong nghiên cứu của chúng tôi đều cao hơn so với trẻ tại trường mầm non X20 ở Hà Nội. Tỉ lệ sâu răng trong nghiên cứu của chúng tôi so với Trường Mầm non X20 ở Hà Nội lần lượt là: nhóm 4 tuổi (71,2% và 53,7%), nhóm 5 tuổi (77,5% và 64,8%). Riêng nhóm 6 tuổi thì tỉ lệ sâu răng trong nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn (72,8% so với 77%).

So sánh tình trạng sâu răng giữa hai giới trong từng nhóm tuổi chúng tôi được kết quả sau (**bảng 4**).

**Bảng 4. Tình trạng sâu răng theo tuổi và giới tính**

Tuổi	Giới tính	Tình trạng sâu răng			
		Sâu răng		Không sâu răng	
		n	%	n	%
3 tuổi	Nam	2	0,6%	9	2,6%
	Nữ	8	2,3%	6	1,7%
4 tuổi	Nam	39	11,3%	17	4,9%
	Nữ	35	10,1%	13	3,8%
5 tuổi	Nam	45	13,0%	10	2,9%
	Nữ	34	9,9%	13	3,8%
6 tuổi	Nam	38	11,0%	18	5,2%
	Nữ	45	13,0%	13	3,8%
<b>Tổng</b>		<b>246</b>	<b>71,2%</b>	<b>99</b>	<b>28,7%</b>

**Bảng 4** cho thấy, nhóm 3 tuổi và 6 tuổi tỉ lệ nam bị sâu răng thấp hơn nữ (3 tuổi, nam: 0,6%; nữ: 2,3%, 6 tuổi, nam: 11%; nữ: 13%). Trong khi đó,

nhóm trẻ 4 tuổi và 5 tuổi, tỉ lệ nam bị sâu răng lớn hơn nữ (4 tuổi, nam: 11,3%; nữ: 10,1%, 5 tuổi, nam: 13%; nữ: 9,9%).

Mất răng do sâu răng cũng là một trạng thái của sâu răng ở mức độ nặng. Mất răng ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống của trẻ, như thẩm mỹ, tình trạng dinh dưỡng. Tình trạng mất răng của trẻ trong nghiên cứu được thể hiện qua *bảng 5*.

*Bảng 5. Tình trạng mất răng theo độ tuổi của trẻ trong nghiên cứu*

Tuổi	Tình trạng mất răng			
	Mất răng		Không mất răng	
	n	%	n	%
3 tuổi	0	0%	25	7,2%
4 tuổi	3	0,9%	101	29,3%
5 tuổi	9	2,6%	93	27%
6 tuổi	25	7,2%	89	25,8%
<b>Tổng</b>	<b>37</b>	<b>10,7%</b>	<b>308</b>	<b>89,3%</b>

*Bảng 5* cho thấy, tình trạng mất răng do sâu răng ở trẻ trong khu vực nghiên cứu cũng tương đối cao, cao nhất ở nhóm 6 tuổi (7,2%), nhóm 3 tuổi chưa xảy ra tình trạng mất răng do sâu răng. Tình trạng mất răng tăng dần theo độ tuổi (3 tuổi: 0%, 4 tuổi: 0,9%, 5 tuổi: 2,6%, 6 tuổi: 7,2%).

Trám răng là hình thức làm giảm mức độ lây lan của các răng sâu, thể hiện sự quan tâm chăm sóc của các gia đình đối với tình trạng sâu răng của trẻ. Trám răng ở trẻ trong khu vực nghiên cứu được thể hiện qua *bảng 6*.

*Bảng 6. Tình trạng trám răng theo độ tuổi của trẻ trong khu vực nghiên cứu*

Tuổi	Tình trạng trám răng			
	Bình thường		Trám răng	
	n	%	n	%
3 tuổi	25	7,2%	0	0,0%
4 tuổi	101	29,3%	3	0,9%
5 tuổi	97	28,1%	5	1,4%
6 tuổi	102	29,6%	12	3,5%
<b>Tổng</b>	<b>325</b>	<b>94,2%</b>	<b>20</b>	<b>5,8%</b>

*Bảng 6* cho thấy, mặc dù phụ huynh đã sử dụng biện pháp trám răng cho trẻ nhằm hạn chế tình trạng sâu răng nhưng mức độ trám răng còn rất hạn chế so với mức độ sâu răng của trẻ tại khu vực nghiên cứu. Tỉ lệ trẻ được trám răng là (5,8%), trong khi mức độ sâu răng là (71,3%). Tình trạng trám răng cho trẻ và mức độ sâu răng theo từng nhóm tuổi của trẻ trong khu vực nghiên cứu được thể hiện qua *bảng 7*.

*Bảng 7. Tình trạng trẻ sâu răng và không sâu răng được trám theo từng nhóm tuổi trong khu vực nghiên cứu*

Tuổi	Tình trạng trẻ sâu răng và không sâu răng được trám							
	Sâu răng				Không sâu răng			
	Không được trám		Trám răng		Không được trám		Trám răng	
	n	%	n	%	n	%	n	%
3 tuổi	10	2,9%	0	0,0%	15	4,3%	0	0,0%
4 tuổi	71	20,6%	3	0,9%	30	8,7%	0	0,0%
5 tuổi	74	21,4%	5	1,4%	23	6,7%	0	0,0%
6 tuổi	72	20,9%	11	3,2%	30	8,7%	1	0,3%
<b>Tổng</b>	<b>227</b>	<b>65,8</b>	<b>19</b>	<b>5,5%</b>	<b>98</b>	<b>28,4%</b>	<b>1</b>	<b>0,3%</b>

Đối với những trẻ không sâu răng thì chỉ có 1 trẻ được phụ huynh trám răng để bảo vệ răng miệng, trong khi đó 227 trẻ bị sâu răng thì chỉ có 19 trẻ được trám răng (5,5%). Kết quả cho thấy mức độ quan tâm, chăm sóc răng miệng cho trẻ bị sâu răng trong khu vực nghiên cứu này còn hạn chế, rất ít các biện pháp ngăn ngừa và điều trị sâu răng được phụ huynh áp dụng.

#### 4. Một số yếu tố liên quan đến tình trạng sâu răng trên địa bàn nghiên cứu

Khảo sát về các yếu tố có thể ảnh hưởng đến tình trạng sâu răng của trẻ tại khu vực nghiên cứu, chúng tôi thu được các kết quả sau. Nghề nghiệp của phụ huynh có liên quan đến tình trạng sâu răng của trẻ, kết quả được thể hiện trong *bảng 8*.

*Bảng 8. Nghề nghiệp của bố mẹ và tình trạng sâu răng của trẻ*

Nghề nghiệp	Tình trạng sâu răng của trẻ			
	Sâu răng		Không sâu răng	
	n	%	n	%
Nông dân	165	47,8%	67	19,4%
Công nhân viên chức	24	7,0%	11	3,2%
Kinh doanh và các ngành khác	57	16,5%	21	6,1%
<b>Tổng</b>	<b>246</b>	<b>71,3%</b>	<b>99</b>	<b>28,7%</b>

*Bảng 8* cho thấy, đối với phụ huynh là nông dân thì tình trạng sâu răng của trẻ lớn nhất (47,8%), sau đó là gia đình có phụ huynh làm nghề kinh doanh và các ngành khác (16,5%). Đối với phụ huynh là công nhân viên chức nhà nước thì tình trạng sâu răng ít hơn (7%), điều đó cho thấy trình độ học vấn và nghề nghiệp của bố mẹ cũng góp phần ảnh hưởng đến tình trạng sâu răng của trẻ trong khu vực nghiên cứu.

Nghiên cứu cũng cho thấy, sở thích ăn uống của trẻ cũng liên quan trực tiếp đến tình trạng sâu răng của trẻ trong khu vực nghiên cứu. Kết quả được thể hiện qua *bảng 9*.

*Bảng 9* cho thấy, đối với trẻ có sở thích ăn nhiều thịt, các đồ ăn nhanh, chiên, xào thì tỉ lệ bị sâu răng rất cao (27,2%), sau đó là nhóm chỉ thích ăn rau quả (18,3%),

*Bảng 9. Tình trạng sâu răng liên quan đến sở thích ăn uống của trẻ*

Sở thích ăn uống của trẻ	Tình trạng sâu răng			
	Sâu răng		Không sâu răng	
	n	%	n	%
Ăn đồ ngọt, thức uống có ga	57	16,5%	18	5,2%
Thịt, các đồ ăn nhanh, chiên, xào	94	27,2%	37	10,7%
Rau, hoa quả	63	18,3%	27	7,8%
Thức ăn đa dạng	32	9,3%	17	4,9%

nhóm thích ăn đồ ngọt, thức uống có ga chiếm 16,5%. Riêng với nhóm trẻ thay đổi đồ ăn đa dạng có tỉ lệ sâu răng thấp nhất (9,3%). Từ đó cho thấy, phụ huynh nên thay đổi bữa ăn cho trẻ để đảm bảo dinh dưỡng, tăng sức đề kháng cho cơ thể, không nên cho trẻ chỉ ăn theo sở thích một số món ăn để giảm tình trạng sâu răng ở trẻ.

Theo phản ánh của phụ huynh tại khu vực nghiên cứu cho rằng trẻ ăn nhiều bánh kẹo ngọt và ít đánh răng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng sâu răng. Chúng tôi tiến hành khảo sát về các yếu tố này và thu được kết quả thể hiện ở *bảng 10*.

*Bảng 10. Tình trạng sâu răng liên quan đến sở thích ăn bánh kẹo của trẻ*

Sở thích của trẻ	Tình trạng sâu răng			
	Sâu răng		Không sâu răng	
	n	%	n	%
Ăn nhiều bánh kẹo ngọt	187	54,2%	67	19,4%
Ít ăn đồ ngọt	59	17,1%	32	9,3%

*Bảng 10* cho thấy, đối với những trẻ có sở thích ăn nhiều bánh kẹo ngọt có tỉ lệ sâu răng cao gấp 3,2 lần những trẻ ít khi ăn đồ ngọt. Trẻ ăn nhiều bánh kẹo ngọt có tỉ lệ sâu răng là 54,2%, trong khi trẻ ít ăn bánh kẹo ngọt có tỉ lệ sâu răng là 17,1%. Điều đó cho thấy nhận định của các bậc phụ huynh tương đối đúng theo khảo sát của chúng tôi. Vì vậy, phụ huynh cần hạn chế việc ăn bánh kẹo ngọt quá nhiều của trẻ, tích cực sử dụng các biện pháp làm sạch răng sau khi cho trẻ ăn.

*Bảng 11. Nhận thức của phụ huynh về tác hại của sâu răng*

Nhận thức của phụ huynh về tác hại của sâu răng	n	%
Có hại	321	93,0%
Không có hại	12	3,5%
Không biết	12	3,5%

*Bảng 11* cho thấy, đa số phụ huynh tại khu vực nghiên cứu đã nhận thức được sâu răng là có hại và

ảnh hưởng tới đời sống của trẻ (93%). Tuy nhiên, vẫn còn một số phụ huynh cho rằng sâu răng không ảnh hưởng đến đời sống hoặc không biết sâu răng có ảnh hưởng đến trẻ không (7%). Vì vậy, nhà trường và địa phương cần phải tiếp tục tuyên truyền đến các gia đình về các biện pháp phòng chống sâu răng cho trẻ ngay từ khi trẻ mọc răng.

\*\*\*

Nghiên cứu thu được một số kết quả sau: 1) Trong tất cả các nhóm tuổi tại khu vực nghiên cứu, tình trạng sâu răng của trẻ rất cao (tỉ lệ sâu răng là 71,3%), tình trạng sâu răng tăng dần theo độ tuổi, nhóm 6 tuổi tỉ lệ sâu răng là cao nhất (24,1%); 2) Có rất nhiều yếu tố liên quan, ảnh hưởng trực tiếp đến tình trạng sâu răng của trẻ như nghề nghiệp, trình độ học vấn của phụ huynh, sở thích ăn uống của trẻ, thời điểm đánh răng, cách đánh răng, số lần đánh răng trong ngày của trẻ. Vì vậy để khắc hạn chế tình trạng sâu răng ở trẻ mầm non trên địa bàn nghiên cứu, chính quyền địa phương, các tổ chức và cá nhân có liên quan cần thực hiện tốt công tác tuyên truyền phòng chống sâu răng tới các bậc phụ huynh và những người trực tiếp chăm sóc trẻ, tạo cho trẻ một thói quen ăn uống hợp lí, rèn luyện thói quen đánh răng, cách đánh răng đúng cho trẻ. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Almeida CM, Petersen PE, Andre SJ. (2003). *Changing oral health status of 6 and 12 years old school children in Portugal*. Community Dental Health, 20, pp. 211-216.
- [2] Horowitz HS (1998). *Research issues in early childhood caries*. Community Dent Oral Epidemio, 26 (suppl), pp. 67-81.
- [3] Mahejabeen R, Sudha P, Kulkarni SS, Anegundi R, (2006). *Dental caries prevalence among preschool children of Hubli: Dharwad city*. Journal of Indian Society of Pedodontics and Preventive Dentistry, page 19-22.
- [4] Hoàng Tử Hùng (1981). *Tình hình sâu răng (trên bộ răng sữa) ở trẻ em một số địa phương miền Nam*. Tổng hội Y học Việt Nam xuất bản, tr 6-19.
- [5] Trương Mạnh Dũng, Vũ Mạnh Tuấn (2011). *Thực trạng bệnh răng miệng và một số yếu tố liên quan ở trẻ 4-8 tuổi tại 5 tỉnh thành của Việt Nam năm 2010*. Tạp chí Y học Thực hành, số 12/2011.
- [6] Trần Văn Trường (2002). *Điều tra sức khỏe răng miệng toàn quốc*. NXB Y học.
- [7] Ismail AI et al (2007). *The International Caries Detection and Assessment System (ICDAS): an Integrated System for Measuring Dental Caries*. Community Dent Oral Epidemiol, 35, pp. 170-178.
- [8] Jan Kuhnisch, Susanne Berger, Inka Gondon et al (2008). *Occlusal Caries Detection Permanent Molar According to WHO Basic Methods, ICDAS II and Lazer Fluorescence Measurements*. Community Dent Oral Epidemiol, 36, pp. 475-484.